

Số: /KH-UBND

Tân Yên, ngày tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH
Cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện Văn bản số 1609/SNN-KHTC ngày 26/8/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang về việc xây dựng kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; UBND huyện Tân Yên xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất chuyên canh, tập trung, quy mô lớn; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh sản phẩm; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng (GRDP) ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 2,5-3,0%/năm.

- Cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tỷ trọng nông nghiệp 89,7 %; lâm nghiệp 0,6%; thủy sản 9,7%. Trong nội ngành nông nghiệp: trồng trọt 43,4%; chăn nuôi 54,3%; dịch vụ 2,3%.

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết tiêu thụ sản phẩm đạt trên 30% (trong đó: lĩnh vực trồng trọt 75%; chăn nuôi 16%; thủy sản 10%);

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản ứng dụng công nghệ cao đạt trên 35% (trong đó: lĩnh vực trồng trọt 40%; chăn nuôi 35%; thủy sản 40%);

- Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ trên tổng diện tích đất nông nghiệp đạt 3 %;

- Giá trị sản xuất bình quân/ha đất canh tác đạt 170-175 triệu đồng, (trong đó: Giá trị sản xuất bình quân/ha diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 260 triệu đồng/ha);

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 5,8%;
- Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả đạt trên 60%;
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội chiếm khoảng 27,5%, trong đó tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt trên 72%;
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi trên địa bàn xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch đạt 80%;
- Thu nhập của dân cư nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

II. NHIỆM VỤ ĐẾN NĂM 2025

Tập trung đầu tư, phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến nông sản theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững. Ưu tiên nguồn lực đầu tư để thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất; xây dựng chuỗi giá trị gắn với hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phát triển các sản phẩm có nhãn hiệu, thương hiệu.

1. Cơ cấu theo nhóm sản phẩm

1.1. Sản phẩm chủ lực

1.1.1 Nhóm sản phẩm trồng trọt

- Mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đảm bảo các tiêu chuẩn Viet-GAP, GlobalGAP, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu:

- Duy trì, nâng cao năng suất, chất lượng đối với 29 vùng sản xuất lúa chất lượng quy mô 2.370 ha tại các xã: Ngọc Lý, Ngọc Thiện, Lam Cốt, Song Vân, Việt Ngọc, Ngọc Châu, Cao Xá, An Dương, Quang Tiến, Đại Hóa, Hợp Đức.

- Làm tốt công tác quản lý, bảo vệ nhãn hiệu tập thể đối với sản phẩm “Lạc giống Tân Yên”; nâng cao chất lượng lạc giống bằng bộ giống tiến bộ, duy trì sản xuất tập trung 616 ha tại các xã: Song Vân, Lam Cốt, Ngọc Vân, Ngọc Thiện, Liên Sơn, TT Cao Thượng.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất đối với sản phẩm rau quả chế biến, rau quả thực phẩm: Mở rộng và phát triển vùng sản xuất rau an toàn, áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, globGAP, hướng hữu cơ, diện tích khoảng 545 ha tại các xã: Liên Chung, Quế Nham, Ngọc Thiện, Song Vân, Phúc Sơn, Ngọc Lý, Cao Xá, Lam Cốt, Tân Trung, Quang Tiến, Đại Hóa, Lan Giới với quy mô 30 ha/ vùng trở lên đối với các loại cây trồng như: hành tỏi, bắp cải, dưa bí các loại, ớt xuất khẩu, khoai tây chế biến; duy trì và mở rộng diện tích sản xuất rau, quả, hoa trong nhà màng, nhà lưới tại các xã; tiếp tục duy trì và mở rộng vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại xã Phúc Sơn, Ngọc Lý,...

- Nâng cao chất lượng sản phẩm cây ăn quả gồm: vải sớm tại các xã: Phúc Hòa, Liên Sơn, TT Cao Thượng, Hợp Đức, Liên Chung, Tân Trung với diện tích 1.020 ha. Trong đó, có 750 ha vải sớm sản xuất ứng dụng công nghệ cao tại các xã: Phúc Hòa, Hợp Đức, Liên Sơn; chú trọng đầu tư, khuyến khích phát triển một số sản phẩm cây ăn quả khác như: bưởi, vú sữa, ôi, ...

1.1.2. Nhóm sản phẩm chăn nuôi, thủy sản:

Phát triển chăn nuôi tập trung tại các trang trại, gia trại có quy mô lớn, có kiểm soát dịch bệnh và đảm bảo an toàn vệ sinh.

+ Chăn nuôi lợn: phát triển chăn nuôi lợn với các giống cao sản theo quy mô trang trại; chăn nuôi theo quy trình VietGAP đảm bảo an toàn dịch bệnh. Duy trì đàn lợn khoảng 220 đến 230 nghìn con, trong đó: trên 80% tổng đàn chăn nuôi quy mô trang trại theo tiêu chuẩn VietGAP, trên 50% trang trại chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học. Xây dựng khu chăn nuôi lợn ứng dụng công nghệ cao quy mô 50.000 con/lứa tại 20 trang trại xã Ngọc Châu, Ngọc Vân, Ngọc Thiện, Lan Giới, Phúc Hòa.

+ Chăn nuôi gà: Phát triển chăn nuôi gia cầm theo phương thức trang trại, công nghiệp. Phát triển duy trì tổng đàn gà khoảng 2,9 triệu con, sử dụng con giống chất lượng có thị trường tiêu thụ ổn định như: lai chọi, lai mía, lai hồ...; chăn nuôi trang trại tập trung quy mô lớn tại các xã: Phúc Hòa, An Dương, Tân Trung, Liên Sơn, Hợp Đức, Cao Thượng; hình thành khu chăn nuôi gia cầm ứng dụng công nghệ cao quy mô 100.000 con/lứa tại 60 cơ sở tại các xã Hợp Đức, Cao Thượng.

- Sản xuất thủy sản: Nâng cấp, cải tạo hạ tầng vùng sản xuất chuyên canh nuôi thủy sản tại các xã Liên Chung, Ngọc Châu, Ngọc Lý, Ngọc Thiện, Song Vân, Việt Lập, Quế Nham; Diện tích nuôi thủy sản đạt 1.300 ha, có 50% diện tích nuôi thủy sản tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP; có 135 ha nuôi thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP.

- Rà soát, xác định không gian phát triển, quy mô, phạm vi các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện. Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa, tiến bộ kỹ thuật vào các khâu của sản xuất nông nghiệp; ứng dụng công nghệ số vào chuỗi liên kết sản xuất. Đầu tư, mở rộng quy mô, diện tích sản xuất sản phẩm sạch, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị, trong đó, doanh nghiệp là nòng cốt, nhất là tại các vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh. Nhân rộng các hình thức tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị đã hình thành có hiệu quả, phù hợp với thực tiễn phát triển. Đẩy mạnh tích tụ đất đai để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến nông sản. Tiếp tục xây dựng, quản lý chặt chẽ nhãn hiệu, bao bì, nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng của huyện.

1.2 Sản phẩm đặc sản của huyện (OCOP)

Phát triển nhóm sản phẩm đặc trưng của huyện (OCOP): Tập trung triển khai thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, hoạt động tổ chức sản xuất, từng bước tiếp cận thị trường bền vững theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); ưu tiên phát triển các sản phẩm đặc trưng có lợi thế nhằm phát huy bản sắc, khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo và niềm tự hào của người dân, thúc đẩy tổ chức và đảm bảo giá trị của cộng đồng trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng Nông thôn mới.

Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy suất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa; tăng cường áp dụng công nghệ số trong quản lý và thương mại sản phẩm để từng bước đẩy mạnh thương hiệu OCOP của địa phương mở rộng ra thị trường ngoài tỉnh và hướng tới xuất khẩu.

Phần đầu đến năm 2025 có thêm khoảng 20 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP, nâng tổng số sản phẩm OCOP của huyện lên 30 sản phẩm, trong đó có ít nhất 10 sản phẩm đạt 4 sao; có 20-30% hợp tác xã kiểu mới là chủ thể tham gia chương trình OCOP.

2. Cơ cấu lại sản xuất theo từng lĩnh vực

2.1. Lĩnh vực trồng trọt

Tiếp tục chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, mùa vụ sản xuất theo hướng giảm dần các giống dài ngày, tăng giống ngắn ngày, đưa giống cây rau màu có giá trị cao và sản xuất, áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP đảm bảo ATTP, sản xuất hữu cơ; tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ diện tích lúa 1 vụ không ăn chắc sang trồng cây rau màu, cây ăn quả có giá trị, áp dụng biện pháp kỹ thuật sản xuất thâm canh tiên tiến nâng cao năng suất sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa từ khâu sản xuất đến khâu thu hoạch, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm công lao động. Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên các thị trường lớn nhất là đối với các vùng sản xuất quy mô lớn, tập trung, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục lựa chọn sản phẩm gắn tem truy suất nguồn gốc, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, thiết kế, nâng cấp mẫu mã bao bì sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm: Vải sớm Phúc Hoà, Vú sữa Tân Yên, Lạc giống Tân Yên, hành tía Liên Chung, ổi lê tân Yên; xây dựng chỉ dẫn địa lý sản phẩm vải sớm Tân Yên, Vú sữa Tân Yên, măng Lục trúc Tân Yên. Chú trọng đầu tư phát triển, duy trì sản xuất ổn định các loại cây trồng:

- *Cây lúa*: Đến năm 2025, diện tích gieo trồng duy trì khoảng 12.500 ha/năm; nâng diện tích lúa chất lượng 5.500 ha. Duy trì và nâng cao năng suất, chất lượng 29 vùng sản xuất lúa chất lượng quy mô 2.370 ha/vụ tại các xã: Ngọc Lý, Ngọc Thiện, Lam Cốt, Song Vân, Việt Ngọc, Ngọc Châu, Cao Xá, An Dương, Quang Tiến, Đại Hóa, Hợp Đức.

- *Cây lạc*: Duy trì và nâng cao chất lượng lạc giống đảm bảo tiêu chuẩn; đến năm 2030, duy trì với diện tích 2.000 ha. Làm tốt công tác quản lý, bảo vệ nhãn hiệu tập thể đối với sản phẩm “Lạc giống Tân Yên” diện tích 616 ha tập trung tại các xã: Song Vân, Lam Cốt, Ngọc Vân, Ngọc Thiện, Liên Sơn, TT Cao Thượng.

- *Cây rau quả thực phẩm*: Đến năm 2025, diện tích sản xuất rau quả thực phẩm 3.250 ha; đến năm 2030 là 3.350 ha; trong đó phần đầu đến năm 2030: Diện tích cây rau quả chế biến chiếm khoảng 25%; 100% diện tích sản xuất tập trung sản xuất theo quy trình VietGAP.

Mở rộng và phát triển vùng sản xuất rau an toàn tập trung, diện tích 545 ha tại các xã: Liên Chung, Quế Nham, Ngọc Thiện, Song Vân, Phúc Sơn, Ngọc Lý, Cao Xá, Lam Cốt, Tân Trung, Quang Tiến, Đại Hóa, Lan Giới gồm các loại cây trồng như: hành tỏi, bắp cải, dưa bí các loại, ớt xuất khẩu, khoai tây chế biến; duy trì và mở rộng diện tích sản xuất rau, quả, hoa trong nhà màng, nhà lưới tại các xã; mở rộng vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại xã Phúc Sơn, Ngọc Lý.

Xây dựng và mở rộng vùng sản xuất măng Lục Trúc, bổ sung vào nhóm rau quả thực phẩm đặc trưng của huyện, phấn đấu đến năm 2025 diện tích khoảng 120 ha, mở rộng vùng sản xuất măng Lục trúc đạt tiêu chuẩn hữu cơ. Đưa một số giống cây dược liệu vào trồng, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất cây dược liệu trên địa bàn, phấn đấu đến năm 2025, diện tích cây dược liệu cho thu hoạch ổn định khoảng 80 ha, sản xuất có liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Cải tạo, xây dựng nhà kho sơ chế, kho lạnh bảo quản sản phẩm; mời gọi doanh nghiệp có đủ năng lực đầu tư xây dựng nhà máy chế biến tiêu thụ nông sản trên địa bàn huyện.

- *Cây ăn quả*: Đến năm 2025 là 3.800 ha, trong đó: Tập trung mở rộng các vùng sản xuất vải sớm, ổi, vú sữa, bưởi... ; nâng cao năng suất, chất lượng cây ăn quả, 60% diện tích sản xuất tập trung theo quy trình VietGAP, có khoảng 25% diện tích cây ăn quả đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, đảm bảo tiêu chuẩn tiêu thụ tại các siêu thị lớn và xuất khẩu.

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm vải sớm tại các xã: Phúc Hòa, Liên Sơn, TT Cao Thượng, Hợp Đức, Liên Chung, Tân Trung với diện tích 1.020 ha. Trong đó, có 750 ha vải sớm sản xuất ứng dụng công nghệ cao đạt tiêu chuẩn Viet-GAP tại các xã: Phúc Hòa, Hợp Đức, Liên Sơn.

+ Phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm quả bưởi (bưởi Diễn, bưởi đỏ Hòa Bình), diện tích 295 ha tại các xã: An Dương, Cao Xá, Ngọc Châu, Phúc Hòa, Lam Cốt, Ngọc Vân, Lan Giới,... trong đó có 50 ha bưởi đạt tiêu chuẩn VietGAP.

+ Mở rộng diện tích sản xuất ổi và nâng cao chất lượng sản phẩm ổi lê Tân Yên, quy mô khoảng 250 ha, trong đó có 100 ha đạt tiêu chuẩn VietGAP, tập trung tại các xã: Phúc Hòa, Hợp Đức, Việt Lập, TT Cao Thượng, Tân Trung, Lan Giới, An Dương,....

+ Mở rộng diện tích và nâng cao chất lượng sản phẩm vú sữa: diện tích khoảng 60 ha, trong đó có 15 ha đạt tiêu chuẩn VietGAP tại xã Hợp Đức, Việt Lập, Liên Chung, Việt Ngọc.

+ Phát triển nâng cao chất lượng sản phẩm quả nhãn đối với diện tích sản xuất tập trung khoảng 180 ha tại các xã: Phúc Hòa, Liên Sơn, Tân Trung, Hợp Đức, An Dương.

2.2. Lĩnh vực chăn nuôi

Chuyển đổi cơ cấu đàn vật nuôi hướng tới giảm tỷ trọng đàn lợn, tăng tỷ trọng đàn gia cầm và đàn dê (là sản phẩm tiềm năng của huyện). Đến năm 2025,

sản lượng thịt hơi các loại: 37.000 Tấn, trong đó: thịt lợn chiếm từ 81,25%, gia cầm 14,69% tấn, dê 0,57%, còn lại là gia súc ăn cỏ khác;

Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân từ 4,0-5%/năm, giá trị tăng bình quân từ 3,5-4,5%/năm. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, phấn đấu đến năm 2025 có trên 80% số trang trại chăn nuôi đảm bảo cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh. Tiến tới hình thành vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường.

2.3. Lĩnh vực thủy sản

Tăng cường ứng dụng công nghệ cao, chú trọng liên kết sản xuất theo chuỗi vào sản xuất thủy sản. Đặc biệt quan tâm đến tự động hóa trong nuôi thủy sản thâm canh, kịp thời áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất thủy sản VietGap trên địa bàn. Duy trì và phát triển diện tích nuôi thủy sản thâm canh, bán thâm canh 1.265ha, với 50% diện tích nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP. Phấn đấu đến năm 2025 có 150 ha thủy sản được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP.

2.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

Tăng cường công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng; duy trì, phát triển trồng cây phân tán, cải tạo rừng trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp, hoàn thành kế hoạch chương trình trồng 1 tỷ cây xanh của Chính phủ trên địa bàn huyện. Duy trì diện tích rừng trồng đến năm 2025 là 1.217,66 ha, trong đó diện tích rừng trồng cây gỗ nhỏ là 50 ha, tỷ lệ che phủ rừng là: 5,8%.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất về tầm quan trọng của thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp đến các cấp, các ngành và người dân.

2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành; nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn; linh hoạt trong việc sử dụng lồng ghép và huy động các nguồn lực đầu tư một cách hiệu quả cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ thông tin trong các khâu của chuỗi giá trị; hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của huyện.

4. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất, năng lực và vai trò các tổ chức hợp tác của nông dân trong việc tổ chức sản xuất theo chuỗi từ cung ứng dịch vụ đầu vào sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Phát triển các HTX nông nghiệp, tổ hợp tác liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò trụ cột, nòng cốt, dẫn dắt; đưa khoa học công nghệ, trình độ quản trị vào chuỗi giá trị.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và hạ tầng thương mại ở nông thôn ngày càng hiện đại, đảm bảo tăng cường liên kết vùng, đáp ứng yêu cầu

của nền sản xuất nông nghiệp bền vững, hiện đại với quy mô sản xuất hàng hóa lớn, hội nhập quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát triển hệ thống thủy lợi đảm bảo chủ động cấp nước cho diện tích trồng lúa 2 vụ, diện tích các cây trồng cạn có hiệu quả kinh tế cao, nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung, ứng dụng công nghệ cao; ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình thủy lợi lớn, đa mục tiêu. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ, đảm bảo khả năng chống chịu trước thiên tai; trong đó ưu tiên củng cố, nâng cấp hệ thống đê sông, phòng chống sạt lở đê. Tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thương mại ở khu vực nông thôn.

6. Đẩy mạnh cơ giới hóa vào các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp; phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông nghiệp- thủy sản.

Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ ở tất cả các khâu sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, phù hợp với điều kiện từng vùng, từng địa phương, từng loại cây trồng, vật nuôi. Phát triển các tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp.

Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao thân thiện với môi trường và hệ thống quản lý chất lượng hiện đại trong bảo quản, chế biến nông sản. Phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại một số vùng sản xuất nông nghiệp tập trung nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, thương mại của hàng nông sản.

7. Triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Phát triển các vùng trồng trọt và chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, nhất là ở các vùng sản xuất hàng hóa trọng điểm.

8. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trong nông nghiệp, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp. Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp, hợp tác xã, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn.

9. Phát triển thị trường, tăng cường năng lực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh xúc tiến thương mại; phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử trong nông nghiệp

Tăng cường xúc tiến thương mại, phát triển hệ thống bán buôn, bán lẻ; đẩy nhanh hoàn thành xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản chủ lực và đặc sản của địa phương gắn với chỉ dẫn địa lý, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường. Phát triển mạnh thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

10. Bảo vệ tài nguyên, môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai

Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường nông thôn; áp dụng các biện pháp hữu hiệu nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn, nhất là ở các làng nghề, khu chăn nuôi tập trung; đầu

tư các khu xử lý rác thải tập trung quy mô liên xã đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải, chất thải rắn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

11. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

Là Cơ quan Thường trực, chủ trì phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện để tổ chức, triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của tỉnh, huyện để đạt được các mục tiêu tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2025. Định kỳ báo cáo UBND huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT kết quả tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong hoạt động sản xuất để nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất nông nghiệp; phối hợp làm tốt công tác xây dựng, quản lý nhãn hiệu, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, bố trí, phân bổ vốn, lồng ghép vào các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch từ nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện kế hoạch,

3. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện, Ngân hàng CSXH huyện

Bố trí đủ nguồn vốn nhu cầu vốn phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn với lãi suất ưu đãi; đơn giản hóa thủ tục vay vốn; đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng tăng khả năng tiếp cận vốn cho người dân và doanh nghiệp. Đồng thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng, đặc biệt là các doanh nghiệp, dự án ứng dụng công nghệ cao, các doanh nghiệp đầu mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh các chương trình cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các xã, thị trấn tham mưu, ban hành, hướng dẫn thực hiện các cơ chế chính sách, quy định của pháp luật về quản lý đất đai trên địa bàn để khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn. Tham mưu, xây dựng kế hoạch sử dụng, chuyển đổi đất với nguyên tắc bảo vệ nghiêm ngặt đất trồng lúa đảm bảo cho an ninh lương thực.

5. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã trấn tham mưu phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn; phối hợp với các đơn vị liên quan, doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại, quan tâm đối với các doanh nghiệp chế biến nông sản; xây dựng thương hiệu cho các loại nông sản, thương hiệu doanh nghiệp gắn với sản phẩm tiềm năng của huyện.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ gắn với các đề án, dự án, các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất thử nghiệm và chuyển giao các giống mới, quy trình công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới, tiên tiến, công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT.

6. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đề xuất thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách về giảm nghèo; tham mưu, xây dựng và triển khai các chương trình, đề án đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ đào tạo nghề để chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại và xuất khẩu lao động nông nghiệp.

7. Phòng Văn hóa- Thông tin, Trung tâm VH TT&TT huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương để phát triển mạng lưới công nghệ thông tin đến tận xã, thôn, xóm; nâng cao nhận thức của người dân trên địa bàn huyện về ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình sản xuất, dễ dàng tiếp cận các thông tin về khoa học kỹ thuật và thông tin thị trường nông sản; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm chủ lực, đặc trưng trên cổng thông tin điện tử của huyện; xây dựng trang thông tin điện tử về các loại nông sản, sản phẩm đặc sản gắn với truyền thống mỗi địa phương

8. Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp huyện

Chủ động, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia sản xuất; đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác chuyển giao KHKT vào sản xuất, trọng tâm là chuyển giao các quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn Viet-GAP, sản xuất ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo hướng hữu cơ, tích cực xây dựng các mô hình về cây, con giống mới để đánh giá làm cơ sở nhân rộng mô hình; Làm tốt công tác dự tính, dự báo, hướng dẫn nhân dân phòng trừ dịch hại trên vật nuôi, cây trồng, thủy sản. Xây dựng hoạt động dịch vụ nông nghiệp phù hợp, trong đó chú trọng đẩy mạnh loại hình dịch vụ bảo vệ sản xuất, an toàn dịch bệnh đối với vùng sản xuất chuyên canh, trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn gắn với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

9. Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp phối hợp chặt chẽ với chính quyền, cơ quan chuyên môn tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch đến hội viên, đoàn viên để thống nhất nhận thức và hành động nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đối với tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp từ nay đến năm 2025; tăng cường vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên thực hiện kế hoạch và giám sát việc thực hiện.

10. UBND các xã, thị trấn

Căn cứ vào Kế hoạch này, cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch của địa phương với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể. UBND xã xây dựng kế hoạch tái cơ cấu

lại nông nghiệp phù hợp với tình hình điều kiện của địa phương mình, triển khai thực hiện; chỉ đạo, hướng dẫn các thôn, tổ dân phố thực hiện Kế hoạch về tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2025 đảm bảo đúng quy hoạch, đúng mục đích sử dụng đất và định hướng lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp vào sản xuất.

Bố trí ngân sách địa phương, các nguồn vốn để huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn tại địa bàn.

Nơi nhận:

- Lưu: VT;

Bản điện tử:

- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang;
- TT HU, TT HĐND huyện, (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện,
- UB MTTQ, các đoàn thể huyện.
- Các phòng, ban liên quan;
- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Huy